

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/10/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Thu G

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc D và Ông Tạ Minh T

- Thư ký phiên tòa: Trịnh Thị P - Thư ký TAND huyện V, tỉnh H.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Hoàng Đức T**, sinh năm: 1980

* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm: 1988

Cùng địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh H**

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (con chung của anh **T** và chị **A**)

- Cháu **Hoàng Khánh L**, sinh ngày: 12/02/2012

- Cháu **Hoàng Khánh V**, sinh ngày: 29/11/2014

- Cháu **Hoàng Đức T1**, sinh ngày: 13/8/2018

Người đại diện theo pháp luật cho cháu **L**, cháu **V** và cháu **T1**: Anh **Hoàng Đức T** và chị **Nguyễn Thị Ngọc A** là bố, mẹ đẻ các cháu.

* Người làm chứng: Bà **Triệu Thị D**, sinh năm: 1964

Địa chỉ: **Thôn X, xã T, huyện V, tỉnh H**

* *Tại phiên tòa có mặt anh **T**; vắng mặt chị **A**, bà **D**.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Hoàng Đức T** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị **Nguyễn Thị Ngọc A** trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện V, tỉnh H** vào ngày 14/02/2011. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra xô sát, đánh cãi chửi nhau nguyên nhân do tính cách vợ chồng khác biệt, không hòa hợp trong đời sống và trong việc nuôi dạy con cái nên hay xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình động viên khuyên nhủ nhiều lần nhưng mâu thuẫn giữa anh, chị không giải quyết được. Dù cùng chung sống một nhà nhưng gần hai năm nay anh, chị đã không còn quan tâm, hỏi han nhau. Quá trình Tòa án giải quyết ly hôn, anh có làm đơn đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án để anh, chị có thời gian ngồi lại hòa giải nhưng không có kết quả. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể đoàn tụ hạnh phúc được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị **A**.

Về con chung: Anh và chị **A** có 03 con chung là cháu **Hoàng Khánh L** sinh ngày 12/02/2012, cháu **Hoàng Khánh V** sinh ngày 29/11/2014 và cháu **Hoàng Đức T1** sinh ngày 13/08/2018. Ly hôn, anh và chị **A** đã thỏa thuận giao chị **A** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 con chung của vợ chồng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000đ/cháu/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng một cháu) cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của hai vợ chồng: Anh không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn chị **Nguyễn Thị Ngọc A** trình bày:* Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng chị như anh **T** trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh, chị là do anh **T** không quan tâm chăm lo gì cho vợ con, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau. Tuy sống cùng nhà nhưng anh chị đã ly thân khoảng 02 năm nay, không quan tâm gì đến nhau. Mặc dù tình cảm vợ chồng đã hết, nhưng vì hạnh phúc của các con, mong các con có bố lẫn mẹ nên chị không đồng ý ly hôn, chị mong Tòa án xem xét cho vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Chị và anh **T** có 03 con chung như anh **T** trình bày. Ly hôn, chị và anh **T** đã thỏa thuận giao cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 con chung của anh, chị cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **T** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000đ/tháng/cháu (một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng một cháu) cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), chị đồng ý.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của hai vợ chồng: Chị không yêu cầu giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu **Hoàng Khánh L** và cháu **Hoàng Khánh V** trình bày:* Bố mẹ cháu chung sống không hạnh phúc, hay xảy ra cãi chửi nhau, nhiều lần đánh nhau. Từ hơn một năm nay bố mẹ cháu ở chung nhà nhưng ăn

riêng không nói chuyện, không quan tâm nhau. Nếu Bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của các cháu mong được trực tiếp ở với mẹ.

* *Người làm chứng:* Bà **Triệu Thị D** là mẹ đẻ chị **Ngọc A** trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh **T** và chị **A** là do anh, chị không cùng chung quan điểm sống, anh **T** không quan tâm chăm lo gì cho vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau, gia đình đã động viên khuyên nhủ nhiều lần nhưng mâu thuẫn giữa anh, chị vẫn căng thẳng. Tuy sống cùng nhà nhưng anh, chị đã không còn quan tâm gì đến nhau đã khoảng 02 năm nay. Về quan hệ hôn nhân và con chung của anh **T** và chị **A**, quan điểm của bà đẻ anh, chị tự giải quyết.

Quá trình điều tra, xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Anh **Hoàng Đức T** và chị **Nguyễn Thị Ngọc A** tự đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện V, tỉnh H** vào ngày 14/02/2011. Quá trình chung sống, nhiều năm gần đây anh **T** và chị **A** thường hay xảy ra cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh, chị như thế nào thì địa phương không nắm được. Anh **T** và chị **A** có 03 con chung là cháu **Hoàng Khánh L** sinh năm 2012, cháu **Hoàng Khánh V** sinh năm 2014 và cháu **Hoàng Đức T1** sinh năm 2018, các cháu đang sống cùng nhà với vợ chồng anh **T**, chị **A**.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn anh **Hoàng Đức T** giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị **A**. Anh đồng ý để chị **A** được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **Hoàng Khánh L** sinh ngày 12/02/2012, cháu **Hoàng Khánh V** sinh ngày 29/11/2014 và cháu **Hoàng Đức T1** sinh ngày 13/08/2018 cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000đ/tháng/cháu (một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng một cháu) cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Các vấn đề khác, anh không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện VKSND huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho anh **T** được ly hôn chị **A**.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh **T** và chị **A**, giao chị **A** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Hoàng Khánh L** sinh ngày 12/02/2012, cháu **Hoàng Khánh V** sinh ngày 29/11/2014 và cháu **Hoàng Đức T1** sinh ngày 13/08/2018 cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện

thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn, anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.500.000đ/tháng/cháu cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của hai vợ chồng: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh **T** phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ngày 19/4/2022 anh **T** gửi trực tiếp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện V, Tòa án đã thực hiện thủ tục hòa giải viên nhưng anh **T** từ chối, ngày 21/4/2022 Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện của anh **T**, như vậy việc thụ lý của Tòa án đã đảm bảo đúng trình tự, quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị **Nguyễn Thị Ngọc A** đăng ký HKTT, hiện đang sinh sống tại **thôn T, xã T, huyện V, tỉnh H** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh **T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn chị **A**, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị **Nguyễn Thị Ngọc A** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, người làm chứng bà **D** vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] *Về nội dung*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Hoàng Đức T** và chị **Nguyễn Thị Ngọc A** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, được **UBND xã T, huyện V, tỉnh H** cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01, ngày 14/02/2011, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, anh **T**, chị **A** đều xác nhận thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, hai bên gia đình đã động viên khuyên nhủ nhiều lần nhưng mâu thuẫn không giải quyết được và ngày một trầm trọng. Gần 02 năm nay, dù chung sống cùng nhà nhưng anh, chị đã không còn quan tâm, hỏi han đến nhau. Lời trình bày của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (hai con chung của anh **T**, chị **A**), người làm chứng và chính quyền địa phương cũng xác nhận tình trạng hôn nhân của anh chị không hạnh phúc và mâu thuẫn trầm trọng. Như vậy, xác định tình cảm vợ chồng giữa anh **T** và chị **A** đã không còn, mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, quan hệ vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cho anh **T** được ly hôn chị **A**.

Về con chung: Anh **T** và chị **A** có 03 con chung là cháu **Hoàng Khánh L** sinh ngày 12/02/2012, cháu **Hoàng Khánh V** sinh ngày 29/11/2014 và cháu **Hoàng Đức T1** sinh ngày 13/08/2018. Anh **T**, chị **A** tự nguyện thỏa thuận giao chị **A** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 con chung của anh, chị cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000đ/tháng/cháu (một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng một cháu) cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), sự thỏa thuận của anh **T**, chị **A** phù hợp pháp luật nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận của anh chị về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Anh **T** và chị **A** xác định không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 5 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27; Điều 24; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Hoàng Đức T**, cho anh **T** được ly hôn chị **Nguyễn Thị Ngọc A**.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh **T**, chị **A**, giao cháu **Hoàng Khánh L** sinh ngày 12/02/2012, cháu **Hoàng Khánh V** sinh ngày 29/11/2014 và cháu **Hoàng Đức T1** sinh ngày 13/08/2018 cho chị **A** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.00đ/tháng/cháu (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 10/2023 cho đến khi các con chung của anh **T**, chị **A** thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với số tiền phải thi hành, nếu bên phải thi hành chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh **Hoàng Đức T** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh **T** đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0010610 ngày 21/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, anh **T** còn phải nộp 300.000đ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh HY.
- VKSND tỉnh H.
- VKSND huyện V
- Chi cục THADS huyện V.
- UBND xã Thắng Lợi, huyện V
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Vũ Thu Giang